

Số: 47/2018/QĐST-DS

Mỏ Cày Nam, ngày 22 tháng 5 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 114/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1) Nguyên đơn: Ngân hàng A, địa chỉ trụ sở chính: Số B, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim K - Sinh năm: 1976 - Phó giám đốc Phòng giao dịch M trực thuộc Ngân hàng A - Chi nhánh B.

1.2) Bị đơn: Bà Diệp Mỹ L - Sinh năm: 1966, địa chỉ nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn D, huyện E, tỉnh Bến Tre.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Bà Diệp Mỹ L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền nợ là 36.164.200đ (ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm đồng). Kể từ ngày 13/4/2018 bà Diệp Mỹ L có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số nợ gốc chưa trả với mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L. Cụ thể như sau:

2.1.1. Ngày 04 tháng 6 năm 2018 (dương lịch) trả 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp

đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.1.2. Ngày 04 tháng 7 năm 2018 (dương lịch) trả 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.1.3. Ngày 04 tháng 8 năm 2018 (dương lịch) trả 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.1.4. Ngày 04 tháng 9 năm 2018 (dương lịch) trả 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.1.5. Ngày 04 tháng 10 năm 2018 (dương lịch) trả 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.1.6. Ngày 04 tháng 11 năm 2018 (dương lịch) trả 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.1.7. Ngày 04 tháng 12 năm 2018 (dương lịch) trả 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.1.8. Ngày 04 tháng 01 năm 2019 (dương lịch) trả 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.1.9. Ngày 04 tháng 02 năm 2019 (dương lịch) trả 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.1.10. Ngày 04 tháng 3 năm 2019 (dương lịch) trả 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp

đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.1.11. Ngày 04 tháng 4 năm 2019 (dương lịch) trả 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.1.12. Ngày 04 tháng 5 năm 2019 (dương lịch) trả 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.1.13. Ngày 04 tháng 6 năm 2019 (dương lịch) trả 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.1.14. Ngày 04 tháng 7 năm 2019 (dương lịch) trả 1.064.200đ (một triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm đồng) tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.2) Nếu bà Diệp Mỹ L vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bất kỳ tháng nào thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số nợ còn lại và tiền lãi với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 giữa Ngân hàng A với bà Diệp Mỹ L.

2.3) Nếu ngày trả nợ trùng vào ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ, tết thì ngày trả nợ là ngày làm việc tiếp theo.

2.4) Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.4.1. Bà Diệp Mỹ L nhận chịu 904.000đ (chín trăm lẻ bốn ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.4.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 904.000đ (chín trăm lẻ bốn ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0016464 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Bến Tre.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện E, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên